

Chính sách đối ngoại vì mục tiêu hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với các nước ASEAN thời kỳ đổi mới

Đào Thị Bích Hồng*

TÓM TẮT

Là một quốc gia ở khu vực Đông Nam Á, trong thời kỳ đổi mới, Việt Nam luôn xem trọng quan hệ với các nước trong khu vực. Trải qua một quãng đường dài tháo gỡ những khó khăn, khúc mắc, quan hệ của Việt Nam với các nước Đông Nam Á đã không ngừng phát triển và đã đạt được những thành tựu to lớn; trong đó, thành tựu lớn nhất là đều mong muốn duy trì hòa bình, ổn định để có thể tập trung xây dựng và phát triển đất nước. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu nổi bật, dưới tác động của những yếu tố khách quan, chủ quan khác nhau, sự hợp tác giữa Việt Nam với các nước khu vực vẫn chưa đạt được tầm mức mong đợi. Nhận thức rõ điều đó, trong nhiều năm qua, nỗ lực vượt qua những khó khăn, thách thức, Việt Nam luôn cố gắng thúc đẩy quan hệ hữu nghị, hợp tác với các nước ASEAN và giữa các thành viên trong ASEAN trên cả bề rộng lẫn chiều sâu.

Khi Việt Nam tiếp tục điều hướng quan hệ đối ngoại trong bối cảnh quan hệ quốc tế có nhiều biến động, việc hiểu rõ vai trò trung tâm của Đảng Cộng sản Việt Nam trong việc định hình các hoạt động đối ngoại với ASEAN là hết sức quan trọng. Bài viết này nhằm đóng góp vào diễn ngôn rộng hơn về hoạt động ngoại giao do Đảng lãnh đạo trong hợp tác khu vực; cung cấp những tri thức hệ thống, toàn diện về các cơ chế và chiến lược mà Việt Nam sử dụng để đạt được các mục tiêu hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển trong cộng đồng ASEAN thời kỳ đổi mới, đặc biệt trong khoảng thời gian Việt Nam tiến hành đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế. Bên cạnh đó, bài viết còn đặt mục tiêu đánh giá những thành tựu cũng như những hạn chế của toàn bộ quá trình nói trên; từ đó, đề xuất một số giải pháp góp phần thực hiện hiệu quả hơn nữa quan hệ đối ngoại với các nước ASEAN trong thời gian tới.

Từ khóa: Đảng Cộng sản Việt Nam, quan hệ quốc tế, hội nhập, Đông Nam Á, chủ trương đối ngoại

Trường Đại học Bách Khoa,
ĐHQG-HCM

Liên hệ

Đào Thị Bích Hồng, Trường Đại học Bách Khoa, ĐHQG-HCM

Email: daobichhong@hcmut.edu.vn

Lịch sử

- Ngày nhận: 21-8-2023
- Ngày chấp nhận: 16-10-2023
- Ngày đăng: 15-11-2023

DOI:

<https://doi.org/10.32508/stdjssh.v7iS1.910>



Bản quyền

© ĐHQG Tp.HCM. Đây là bài báo công bố mở được phát hành theo các điều khoản của the Creative Commons Attribution 4.0 International license.



MỞ ĐẦU

Trong thế giới đương đại, cũng như nhiều quốc gia khác trên thế giới, Việt Nam luôn mong muốn mở rộng quan hệ với thế giới bên ngoài, xem đây là nhân tố giữ vai trò quan trọng cho sự phát triển đất nước. Trong quá trình đó, với tinh thần “bán anh em xa, mua láng giềng gần” Việt Nam luôn chú trọng phát triển quan hệ với các nước khu vực.

Trong lĩnh vực quan hệ quốc tế, Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) đã nổi lên như một tổ chức khu vực then chốt, góp phần hình thành nên môi trường hợp tác ổn định, hòa bình và bền vững ở Đông Nam Á. Với tư cách là một trong những thành viên tích cực của ASEAN, Việt Nam đã luôn nhận thức rõ tầm quan trọng chiến lược của mối quan hệ với các nước ASEAN trong việc định hình cục diện địa chính trị của khu vực. Mối quan hệ năng động giữa Việt Nam và ASEAN chịu sự tác động qua lại phức tạp của các yếu tố chính trị, kinh tế và an ninh. Những nỗ

lực ngoại giao của Việt Nam với các nước ASEAN dựa trên việc theo đuổi các mục tiêu bao trùm là hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển. Những mục tiêu này không chỉ phù hợp với các nguyên tắc cốt lõi của trong hoạt động đối ngoại của Đảng Cộng sản Việt Nam, mà còn phản ánh cam kết của Việt Nam trong việc đóng góp vào sự thịnh vượng chung của khu vực.

NỘI DUNG CHÍNH

Chính sách đối ngoại “thêm bạn, bớt thù” của Đảng những năm đầu Đổi mới

Khi Việt Nam giành thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, đã làm thay đổi chiến lược của các nước lớn và chuyển đổi cục diện chính trị của các nước trong khu vực Đông Nam Á.

Sau khi thống nhất đất nước, Việt Nam chủ trương mở rộng quan hệ đối ngoại và hợp tác kinh tế với các nước nhằm khai thác nguồn lực từ bên ngoài, cùng với sự nỗ lực trong nước, tập trung vào hàn gắn vết thương

Trích dẫn bài báo này: Hồng D T B. Chính sách đối ngoại vì mục tiêu hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với các nước ASEAN thời kỳ đổi mới. *Sci. Tech. Dev. J. - Soc. Sci. Hum.* 2023; 7(S1):S184-S191.

chiến tranh, xây dựng đất nước, từng bước cải thiện quan hệ với các nước trong khu vực. Tuy nhiên, công cuộc xây dựng đất nước tiến hành chưa được bao lâu thì Việt Nam đứng trước thử thách mới, nghiêm trọng hơn trong quan hệ quốc tế. Quan hệ giữa Việt Nam với Trung Quốc, Campuchia xuất hiện những mâu thuẫn, bất đồng, theo hướng ngày càng phức tạp, nhất là xung quanh “vấn đề Campuchia”, kéo dài đến cuối những năm 80 của thế kỷ XX. Nhận thức khác nhau giữa Việt Nam với các nước ASEAN về “vấn đề Campuchia” không chỉ làm cho mâu thuẫn giữa Việt Nam với các nước này gia tăng, mà còn khiến cho không khí chính trị - ngoại giao trong khu vực ngày càng căng thẳng.

Những năm 1975-1985, sự bao vây cấm vận kinh tế, sự giảm sút viện trợ nước ngoài, cùng với những sai lầm trong điều hành kinh tế vĩ mô ... đã khiến nền kinh tế của Việt Nam rơi vào khủng hoảng trầm trọng, không đáp ứng được những nhu cầu cơ bản của đời sống Nhân dân. Trước những biến động phức tạp của tình hình quốc tế và khu vực, cũng như những khó khăn trong nước, Đại hội lần thứ VI (1986) của Đảng bước đầu đã có những thay đổi nhận thức về quan hệ đối ngoại, nhấn mạnh: Nhiệm vụ hàng đầu cho đối ngoại Việt Nam là phải ra sức tranh thủ điều kiện quốc tế thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đảng coi “xu thế mở rộng phân công hợp tác giữa các nước, kể cả những nước có chế độ kinh tế - xã hội khác nhau, cũng là những điều kiện rất quan trọng đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta” [1, tr.24]

Trong quan hệ với các nước láng giềng và khu vực, Đảng đặt ra yêu cầu tập trung phát triển và củng cố mối quan hệ đặc biệt giữa ba nước Đông Dương; đồng thời, “không ngừng phấn đấu nhằm phát triển mối quan hệ hữu nghị và hợp tác với Indonesia và các nước Đông Nam Á khác” và “sẵn sàng cùng với các nước trong khu vực thương lượng để giải quyết các vấn đề ở Đông Nam Á, thiết lập quan hệ cùng tồn tại hòa bình, xây dựng Đông Nam Á trở thành khu vực hòa bình, ổn định và hợp tác” [1, tr.108].

Đặt đất nước trong mối quan hệ chung của khu vực, Đảng, Nhà nước Việt Nam đã thể hiện thiện chí, mong muốn tạo lập môi trường hòa bình ở Đông Nam Á. Đây là bước đi đúng đắn, nhằm kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, thực hiện chính sách cùng tồn tại hòa bình giữa các nước có chế độ chính trị xã hội khác nhau, tranh thủ tối đa những điều kiện quốc tế thuận lợi cho việc thực hiện các mục tiêu trong xây dựng và bảo vệ đất nước của cách mạng Việt Nam. Tiếp nối tư tưởng của Đại hội VI của Đảng, Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương khóa sáu (3/1989) đã nhấn mạnh chủ trương “chuyển mạnh

hoạt động ngoại giao từ quan hệ chính trị là chủ yếu sang quan hệ chính trị - kinh tế. Mở rộng quan hệ kinh tế phục vụ cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước” [2, tr.40]. Hội nghị đề ra giải pháp phải nhanh chóng, tích cực giải quyết vấn đề Campuchia nhằm tháo gỡ trở ngại chính trong quan hệ giữa Việt Nam với các nước ASEAN và thế giới nói chung, “góp phần tích cực giải quyết vấn đề Campuchia bằng chính trị. Trong trường hợp chưa có giải pháp về “vấn đề Campuchia”, thì cần chuẩn bị rút hết quân sớm; xây dựng mối quan hệ mới với các nước ASEAN, tham gia tích cực vào việc biến Đông Nam Á thành khu vực hòa bình, ổn định, hữu nghị và hợp tác” [2, tr.40].

Trên cơ sở thực hiện “phương châm thêm bạn, bớt thù, giữ vững hòa bình để xây dựng và bảo vệ tổ quốc”³, Hội nghị nhấn mạnh việc thực hiện nghĩa vụ quốc tế phải phù hợp với sức và lực của Việt Nam, phù hợp với trào lưu thế giới, không bao cấp, không làm thay, làm nghĩa vụ quốc tế phải phục vụ lợi ích của Việt Nam. Với chính sách đối ngoại rộng mở Đảng tuyên bố: “Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển” [4, tr.147].

Có thể thấy rằng, xuất phát từ nhiệm vụ quan trọng mà Việt Nam cần thực hiện là phải kiên quyết đưa Việt Nam thoát khỏi tình trạng khủng hoảng nghiêm trọng về kinh tế; thoát khỏi tình trạng đang phải đối đầu với các nước lớn; giải quyết tốt mối quan hệ với các nước láng giềng; kiên quyết tìm giải pháp để Việt Nam có thể kết hợp hiệu quả sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của quốc tế, sức mạnh của cuộc cách mạng khoa học công nghệ cho sự phát triển của đất nước, Đảng đã có những chuyển biến tích cực trong chỉ đạo về đối ngoại, với mong muốn là bạn với tất cả các nước trên thế giới, không phân biệt chế độ chính trị. Hợp tác bình đẳng, cùng có lợi, vì lợi ích quốc gia, dân tộc.

Sau năm 1991, trước tình hình thế giới có nhiều diễn biến phức tạp, hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa rơi vào thoái trào. Sự tan rã của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu đã đặt Việt Nam đứng trước nhiều khó khăn, thách thức. Việt Nam mất đi những đồng minh chiến lược, bạn hàng quan trọng, thị trường truyền thống và nguồn viện trợ chủ yếu.

Quán triệt, cụ thể hóa chính sách đối ngoại đổi mới của Đảng ở Đại hội VII, Hội nghị lần thứ ba Ban chấp hành Trung ương khóa VII (6/1992) ra nghị quyết về công tác đối ngoại. Phân tích những biến chuyển trong tình hình thế giới và khu vực, Nghị quyết nhấn mạnh: “Các nước vừa đẩy mạnh đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại, vừa cải thiện quan hệ vừa hợp tác, liên kết với các nước trong khu vực”⁵. Hội nghị nhận định rằng trong thời đại ngày nay, không một quốc

gia nào tự khép kín, cô lập mình với thế giới mà phát triển được. Đặc biệt là Việt Nam, một nước đang phát triển với nền kinh tế là kinh tế lạc hậu, càng cần phải tranh thủ nguồn lực bên ngoài, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu của công cuộc đổi mới. Do vậy chính sách đối ngoại cần phải phục vụ cho các mục tiêu trên. Hội nghị xác định tư tưởng chỉ đạo hoạt động đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam và đề ra bốn phương châm xử lý các vấn đề quốc tế và chính sách đối ngoại với các đối tượng chủ yếu: *Một là*, bảo đảm lợi ích dân tộc chân chính, kết hợp nhuần nhuyễn chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân; *hai là*, giữ vững độc lập tự chủ, tự cường trong khi đẩy mạnh đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại; *ba là*, nắm vững hai mặt hợp tác và đấu tranh trong quan hệ với mọi đối tượng; *bốn là*, tham gia hợp tác khu vực đồng thời mở rộng quan hệ với tất cả các nước.

Như vậy, trước những diễn biến của tình hình chính trị ở khu vực Đông Nam Á từ giữa những năm 80 của thế kỷ XX, đặc biệt khi tình hình Campuchia đi vào thế ổn định, Việt Nam ngày càng vững mạnh, đủ khả năng bảo vệ thành quả cách mạng đã giành được. Với những cố gắng của Việt Nam, các nước ASEAN và cộng đồng quốc tế, “vấn đề Campuchia” đã từng bước được giải quyết, đạt được những giải pháp chính trị hướng đến việc ký Hiệp định Paris về hòa bình ở Campuchia (10/1991). Trở ngại lớn nhất trong quan hệ Việt Nam - ASEAN cũng như nhân tố gây mất ổn định ở khu vực là “vấn đề Campuchia” không còn tồn tại. Các nước ASEAN ngày càng nhận thức rõ hơn vai trò quan trọng của các nước trên bán đảo Đông Dương trong việc duy trì hòa bình, an ninh và phát triển của Đông Nam Á thời kỳ hậu Chiến tranh Lạnh. Mong muốn chung của các nước trong khu vực là hòa bình, ổn định và hợp tác để phát triển kinh tế, củng cố thể và lực của tổ chức ASEAN, hạn chế sự can thiệp hoặc tác động của các nước lớn và khu vực.

Như vậy, cùng với xu hướng phát triển chung của thế giới, những chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thực hiện đối ngoại với các nước trong khu vực đã tạo điều kiện cho sự phát triển của Việt Nam và cả ASEAN.

Trên cơ sở đường lối, phương châm, chính sách đối ngoại đúng đắn, với sự lãnh đạo linh hoạt của Đảng, Việt Nam đã đi được một bước khá dài trên con đường hội nhập quốc tế. Trong năm 1995, Việt Nam trở thành thành viên chính thức của Hiệp hội các nước Đông Nam Á – ASEAN, sự kiện này đã mở ra quan hệ ngày càng tốt đẹp giữa các nước Asean với Việt Nam. Những chủ trương của Đảng cho thấy, điều quan trọng chính là Đảng đã nhận thức được biến động của thời cuộc, nắm vững được xu thế của thế giới,

nhìn thẳng vào thực trạng, sử dụng hiệu quả những giải pháp “*thêm bạn, bớt thù*”, tất cả vì lợi ích của Việt Nam để định ra đối sách thích hợp với từng đối tác cụ thể. Thành tựu đạt được trên lĩnh vực đối ngoại đã tạo đà cho những bước phát triển tiếp theo.

Chính sách đối ngoại của Đảng với khu vực Đông Nam Á giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa

Đặc điểm nổi trội trong quan hệ quốc tế sau Chiến tranh Lạnh chấm dứt là xu thế hòa bình, hợp tác, phát triển cùng có lợi, chung sức giải quyết các vấn đề có tính toàn cầu. Thực tiễn đặt ra cho các nước nhỏ, trong đó có Việt Nam và các nước trên thế giới cả cơ hội lẫn thách thức: *Một mặt*, chiều hướng đó góp phần củng cố môi trường hòa dịu, tạo cơ hội hợp tác có lợi cho quan hệ Việt Nam với các nước Đông Nam Á, quan hệ Việt Nam – ASEAN; *mặt khác*, cũng tạo ra nguy cơ bất lợi trong toàn cầu hóa kinh tế, nguy cơ phụ thuộc nhiều hơn vào các nước lớn. Tuy nhiên hệ quả này không phải là tất yếu. Thách thức có thể chuyển hóa thành cơ hội nếu đối phó hiệu quả, cũng như cơ hội có thể trở thành thách thức nếu không được nhận thức và giải quyết kịp thời. Hợp tác là cách thức tốt nhất để nâng cao sức mạnh và khả năng chung, giảm tác động tiêu cực từ bên ngoài.

Như vậy, xu hướng hòa bình, hợp tác, phát triển cùng có lợi và chung sức giải quyết các vấn đề có tính toàn cầu, dẫn đến yêu cầu tăng cường hợp tác nhiều mặt giữa các nước nhỏ để tận dụng cơ hội và hạn chế thách thức.

Đại hội lần VIII (6/1996) chủ trương: “Hợp tác nhiều mặt song phương và đa phương với các nước, các tổ chức quốc tế và khu vực trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng cùng có lợi, giải quyết các vấn đề tồn tại và tranh chấp bằng thương lượng. Củng cố môi trường hòa bình, tạo điều kiện quốc tế thuận lợi hơn để đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước phục vụ sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc, góp phần vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình độc lập dân chủ và tiến bộ xã hội” [6, tr.120-121]. Đối với các nước ASEAN cần phải “ra sức tăng cường quan hệ với các nước láng giềng và các nước trong tổ chức ASEAN” [6, tr.121]. Những chủ trương của Đảng không chỉ góp phần tăng cường quan hệ hợp tác của Việt Nam với các nước láng giềng và khu vực, mà còn thúc đẩy quan hệ khu vực phát triển ngày càng tốt hơn.

Từ sau khi gia nhập tổ chức ASEAN, Việt Nam đã tham gia tích cực vào mọi hoạt động của khu vực,

có những đóng góp hết sức quan trọng. Việt Nam nỗ lực thúc đẩy kết nạp Lào, Myanmar và Campuchia vào hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á; hình thành khối ASEAN-10 quy tụ 10 quốc gia ở Đông Nam Á; tổ chức thành công hội nghị cấp cao ASEAN (06/12/1998)... Việt Nam tích cực giải quyết vấn đề phân định ranh giới trên biển giữa Việt Nam với các nước thành viên có vùng biển chồng lấn như Thái Lan, Malaixia, Indonesia...; nỗ lực khắc phục những cản trở trong quan hệ song phương với từng nước thành viên ASEAN. Việt Nam đẩy mạnh hợp tác với các nước Đông Nam Á có liên quan tới cuộc tranh chấp chủ quyền biển Đông, tìm ra giải pháp cho vấn đề này. Đối với vấn đề tranh chấp ở biển Đông, Việt Nam luôn chủ động kim chỉ, bày tỏ lập trường nhất quán cùng các bên hữu quan giải quyết thông qua đàm phán thương lượng hòa bình.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, quan hệ đối ngoại của một tổ chức chịu tác động qua lại từ quan hệ đối ngoại của từng thành viên và trong chiều ngược lại, sự đóng góp của mỗi thành viên trong thúc đẩy quan hệ đối ngoại của tổ chức sẽ là cơ sở để xác định vai trò của thành viên trong tổ chức đó. Nhận thức được vấn đề này, Đảng đã nỗ lực giải quyết những tồn tại, tăng cường quan hệ song phương với các nước Đông Nam Á; đồng thời, tích cực mở rộng quan hệ với các đối tác của tổ chức ASEAN, phát huy vai trò trong các cơ cấu của ARF, ASEAN+1, ASEAN+3, APEC, ASEM...

Thông qua các khuôn khổ hợp tác nói trên, Việt Nam đã khẳng định sự năng động của một thành viên, sự chủ động và tinh thần sẵn sàng trong hội nhập. Dù còn nhiều hạn chế về tiềm lực kinh tế, về kinh nghiệm trong hợp tác quốc tế hoặc tồn tại những bất cập trong quan hệ song phương chưa được giải quyết triệt để, song Việt Nam luôn thực sự là một nhân tố thúc đẩy sự lớn mạnh của tổ chức ASEAN, có đóng góp quan trọng với hòa bình và ổn định của khu vực.

Đầu thế kỷ XXI, ngay sau cuộc khủng bố (11/09/2001), Mỹ phát động cuộc chiến tranh Afghanistan dưới danh nghĩa chống khủng bố, ra sức tập hợp lực lượng, can thiệp và tấn công bất cứ quốc gia nào Mỹ coi là không thân thiện hoặc liên quan đến khủng bố. Vị trí của Đông Nam Á đã thay đổi trong chính sách của Mỹ. Mỹ coi Đông Nam Á là một trong những mặt trận trong cuộc chiến chống khủng bố.

Đại hội lần thứ IX (2001) chủ trương: “Coi trọng và phát triển quan hệ hữu nghị, hợp tác với các nước xã hội chủ nghĩa, các nước láng giềng; nâng cao hiệu quả và chất lượng hợp tác với các nước ASEAN...” [7, tr.121]. Việt Nam luôn ưu tiên việc xây dựng và củng cố mối quan hệ hữu nghị với các nước láng giềng;

các nước có chung biên giới, các nước trong khu vực Đông Nam Á và các nước châu Á - Thái Bình Dương. Ưu tiên hàng đầu của Việt Nam là tạo ra môi trường quốc tế liên quan trực tiếp nhất đến sự ổn định và phồn vinh của Việt Nam.

Xuất phát từ yêu cầu ổn định và phát triển đất nước, từ vị thế địa chính trị, địa vị kinh tế và địa chiến lược của các quốc gia trong mối quan hệ với Việt Nam, Việt Nam cần tăng cường, củng cố, phát triển quan hệ hữu nghị hợp tác với các nước láng giềng, đặc biệt là các nước ASEAN. Việc phát triển quan hệ hữu nghị với các nước khu vực Đông Nam Á phải được đẩy mạnh theo hướng nâng cao chất lượng và hiệu quả của sự hợp tác song phương và đa phương, tích cực chủ động góp phần giữ vững các nguyên tắc cơ bản của ASEAN, tăng cường gắn kết trong hiệp hội, hạn chế tác động phân hóa từ bên ngoài, đẩy mạnh hợp tác kinh tế, phấn đấu xây dựng một cộng đồng Đông Nam Á hòa bình, không có vũ khí hạt nhân, ổn định, hợp tác cùng phát triển phồn vinh.

Với những chuyển biến nhanh chóng và phức tạp của thế giới trong những năm đầu của thế kỷ XXI, Việt Nam đã có điều chỉnh chính sách đối ngoại. Nghị quyết lần thứ 7 của Bộ chính trị (11/2001) về hội nhập kinh tế quốc tế nhấn mạnh chủ trương chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực theo tinh thần phát huy tối đa nội lực, bảo đảm độc lập tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích dân tộc, giữ vững bản sắc dân tộc, bảo vệ môi trường.

Văn kiện Đại hội XI (tháng 1/2011) nêu rõ: “Việt Nam chủ động, tích cực và có trách nhiệm cùng các nước xây dựng cộng đồng ASEAN vững mạnh, tăng cường quan hệ với các đối tác, tiếp tục giữ vai trò quan trọng trong các khuôn khổ hợp tác ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương, đồng thời xác định nhiệm vụ cần phấn đấu đạt được là cùng các nước ASEAN xây dựng Đông Nam Á thành khu vực hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển phồn vinh”.

Đại hội XII của Đảng (tháng 1/2016) cũng đã xác định phương hướng hợp tác trong ASEAN là “chủ động, tích cực và có trách nhiệm cùng các nước ASEAN xây dựng Cộng đồng vững mạnh”, “chủ động tham gia và phát huy vai trò tại các cơ chế đa phương, đặc biệt là ASEAN và Liên hợp quốc”. Chỉ thị số 25-CT/TW, ngày 8/8/2018 của Ban Bí thư về “Đẩy mạnh và nâng tầm đối ngoại đa phương đến năm 2030” một lần nữa nhấn mạnh cần “tiếp tục phát huy và khai thác có hiệu quả vai trò thành viên của cộng đồng kinh tế ASEAN”, “phát huy vị thế của Việt Nam trong xây dựng Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN 2025, tăng cường vai trò trung tâm của ASEAN ở khu vực và nâng cao vị thế, sự hiện diện của Cộng đồng trên trường quốc tế”.

Đại hội XIII của Đảng (1/2021) nhấn mạnh: “Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại. Bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và Luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng., Việt Nam là bạn, là đối tác tin cậy và là thành viên tích cực, có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế [8, tr.161-162]. Trong quan hệ với các ASEAN, cần chủ động tham gia và phát huy vai trò của Việt Nam tại các cơ chế đa phương, đặc biệt là ASEAN... hợp tác tiểu vùng Mê Kông và các khuôn khổ hợp tác khu vực và quốc tế, trong những vấn đề và các cơ chế quan trọng có tầm chiến lược, phù hợp với yêu cầu, khả năng và điều kiện cụ thể. “Coi trọng phát triển quan hệ hợp tác, hữu nghị, truyền thống với các nước láng giềng; chủ động, tích cực và có trách nhiệm cùng với các nước ASEAN xây dựng Cộng đồng đoàn kết, vững mạnh, giữ vững vai trò trung tâm của ASEAN trong cấu trúc an ninh khu vực [8, tr.162].

Việt Nam là nước có diện tích đứng vào hàng thứ tư và dân số đứng thứ ba ở Đông Nam Á, lại có đường lối đối ngoại độc lập, nên Việt Nam luôn là nhân tố quan trọng đối với việc xây dựng hòa bình, ổn định của khu vực. Trên thực tế, Việt Nam đã góp phần tăng cường và củng cố đoàn kết trong ASEAN, tích cực đấu tranh góp phần duy trì những nguyên tắc cơ bản của Hiệp hội, nhất là nguyên tắc đồng thuận không can thiệp vào công việc nội bộ của các nước khác, chủ động hướng hoạt động của Hiệp hội vào những hướng ưu tiên là thu hẹp khoảng cách phát triển, giúp đỡ các nước thành viên mới tăng cường khả năng liên kết khu vực.

Hiện nay Việt Nam và các nước Đông Nam Á đều mong muốn duy trì hòa bình ổn định để có thể tập trung vào việc xây dựng và phát triển đất nước. Song, sự chênh lệch về trình độ phát triển, sự khác biệt về chế độ chính trị - xã hội, về lịch sử văn hóa và tính toán lợi ích dân tộc hẹp hòi của một số nước là yếu tố cản trở phần nào sự hợp tác thực chất, bình đẳng cùng có lợi giữa Việt Nam và các nước trong khu vực. Mặc dù còn không ít khó khăn, thách thức song Việt Nam đang đứng trước những cơ hội và là cầu nối, thúc đẩy sự hòa nhập hai nhóm nước thành viên cũ và mới trong ASEAN.

Trong gần 30 năm (1995-2023), Việt Nam tham gia ASEAN cho thấy, Việt Nam đã rất tích cực, chủ động và đầy trách nhiệm với quá trình xây dựng Cộng đồng ASEAN. Việt Nam đã 02 lần đảm nhiệm Chủ tịch luân phiên ASEAN (2010, 2020); tổ chức thành công

Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 6, lần thứ 17 và lần thứ 36, 37 (1998, 2010, 2020); tổ chức thành công Hội nghị Diễn đàn Kinh tế thế giới về ASEAN (WEF on ASEAN) năm 2018, Đại hội đồng Liên nghị viện ASEAN lần thứ 41 (AIPA 41) năm 2020, Diễn đàn cấp cao của ASEAN về hợp tác tiểu vùng vì tăng trưởng bao trùm và phát triển bền vững năm 2021. Cùng với đó, Việt Nam cũng đảm nhiệm vai trò điều phối viên quan hệ ASEAN với Liên minh châu Âu (EU); là Chủ tịch luân phiên Ủy ban các nước ASEAN tại Buenos Aires từ tháng 7/2022.

Như vậy, với phương châm chủ động, tích cực, chân thành, tin cậy và có trách nhiệm, Việt Nam vẫn sẽ tiếp tục nỗ lực cùng ASEAN xây dựng Cộng đồng ASEAN vì hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển trong khu vực và trên thế giới, vì lợi ích quốc gia - dân tộc.

Một số giải pháp tiếp tục thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển

Chủ tịch Hồ Chí Minh từng khẳng định “ngoài lợi ích của dân tộc, của Tổ quốc, thì Đảng không có lợi ích gì khác” [9, tr.290]. Đảng luôn nhận thức sâu sắc *lợi ích quốc gia- dân tộc là mục tiêu cao nhất của đối ngoại*. Nghị quyết Trung ương 8 khóa IX (năm 2003) lần đầu tiên nêu rõ các thành tố cơ bản của lợi ích quốc gia- dân tộc. Từ Đại hội XI (năm 2011), Đảng khẳng định lợi ích quốc gia- dân tộc là mục tiêu cao nhất của đối ngoại, trong đó lợi ích giai cấp, lợi ích quốc gia và lợi ích dân tộc thống nhất với nhau trong lợi ích quốc gia - dân tộc.

Để tiếp tục vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đối ngoại trong thực hiện chủ trương đối ngoại với các nước trên thế giới nói chung và với các nước ASEAN nói riêng, Việt Nam cần phải thực hiện tốt những giải pháp sau:

Một là, tiếp tục thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, thấm đượm tinh thần dân tộc, tính nhân văn, vì lợi ích quốc gia-dân tộc

Đây là nguyên tắc, là đường lối đối ngoại nhất quán của Đảng. Toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế sâu rộng đã và đang đặt ra những thách thức lớn, không chỉ riêng với Việt Nam về tính độc lập, tự chủ trong quan hệ quốc tế. Vì vậy, phải kiên trì đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ và có nhiều chính sách phù hợp, khôn khéo theo tinh thần “vạn biến”, bảo vệ được lợi ích quốc gia, dân tộc trong suốt quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Trong tổ chức thực hiện phải luôn giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế. Nghĩa là, không chỉ khắc phục sự lệ thuộc, chống sự

áp đặt, lôi kéo, chi phối, mà còn phải nêu cao và phát huy tính chủ động trong tham gia vào các công việc chung của cộng đồng khu vực và quốc tế.

Hai là, luôn kết hợp chặt chẽ sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; phát huy tối đa nội lực, khai thác hiệu quả nguồn ngoại lực trong mọi hoạt động đối ngoại

Kết hợp chặt chẽ giữa sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại là bài học lớn của cách mạng Việt Nam nói chung, cũng như của công tác đối ngoại nói riêng. Hiện nay, việc kết hợp chặt chẽ giữa sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại vẫn là yêu cầu quan trọng, vì chỉ khi thực lực mạnh lên thì ngoại giao mới có hiệu quả. Ngoại giao chỉ có thể thắng lợi trên nền tảng thực lực mạnh – “thực lực là cái chiêng mà ngoại giao là cái tiếng. Chiêng có to tiếng mới lớn”. Việt Nam luôn phải kết hợp sức mạnh đại đoàn kết dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh quốc tế để phát huy triệt để những thế mạnh của Việt Nam, tận dụng mặt tích cực, hạn chế mặt tiêu cực của các mối quan hệ quốc tế, nhằm đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững.

Ba là, tiếp tục phát huy tinh tiên phong của đối ngoại trong việc tạo lập và giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, phát triển và nâng cao vị thế, uy tín của đất nước. Nhiệm vụ trọng yếu của công tác đối ngoại là tiên phong trong việc giữ vững môi trường hòa bình, tạo điều kiện thuận lợi cho việc kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, phục vụ phát triển đất nước. Mở rộng quan hệ đối ngoại nhằm thúc đẩy quan hệ kinh tế, tăng cường hợp tác quốc tế để phát triển kinh tế - xã hội, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ.

Môi trường đối ngoại trong những năm tới tiếp tục chuyển biến nhanh, phức tạp, khó lường cả về an ninh, chính trị, kinh tế, đan xen nhiều cơ hội và những thách thức. Hội nhập quốc tế không giới hạn trong một phạm vi hay một lĩnh vực nào của đời sống quốc tế mà nó lan tỏa ở mọi cấp độ, mọi lĩnh vực trên phạm vi khu vực và toàn cầu. Thực hiện nhất quán giải pháp trên, hoạt động đối ngoại sẽ phát huy được vai trò tiên phong, góp phần tạo lập và giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển, nâng cao vị thế, uy tín của đất nước.

Bốn là, luôn giữ vững mục tiêu đối ngoại phải phục vụ cho đối nội, đối ngoại phải là cánh tay nối dài của đối nội, luôn bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc. Đại hội XIII của Đảng khẳng định “mục tiêu tối thượng” trong công tác đối ngoại của Đảng là: “Bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi” [8, tr. 161-162]. Đây là một trong những quan điểm chỉ

đạo cao nhất nhằm thực hiện tầm nhìn và định hướng phát triển của đất nước.

Hiện nay, với bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng, sự phụ thuộc giữa các quốc gia ngày càng tăng. Chính vì vậy, trong hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế, việc bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc là lợi ích dân tộc chân chính, không phải là lợi ích dân tộc vị kỷ, hẹp hòi. Bảo đảm cao nhất lợi ích của quốc gia - dân tộc phải dựa trên các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế.

Năm là, tiếp tục thực hiện hiệu quả đường lối ngoại giao rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa trong các quan hệ quốc tế

Chủ trương của Đại hội XIII về việc đẩy mạnh đối ngoại song phương và nâng tầm đối ngoại đa phương. Coi trọng phát triển quan hệ hợp tác, hữu nghị, truyền thống với các nước láng giềng; chủ động, tích cực và có trách nhiệm cùng các nước ASEAN xây dựng Cộng đồng đoàn kết, vững mạnh, giữ vững vai trò trung tâm của ASEAN trong cấu trúc an ninh khu vực. Đẩy mạnh và làm sâu sắc hơn quan hệ hợp tác song phương với các đối tác, đặc biệt là các đối tác chiến lược, đối tác toàn diện và các đối tác quan trọng khác, tạo thế đan xen lợi ích và tăng độ tin cậy. Chủ động, tích cực tham gia các cơ chế đa phương về quốc phòng, an ninh theo tư duy mới về bảo vệ Tổ quốc.

Để tiếp tục thực hiện chủ trương của Đảng, Việt Nam cần tiếp tục đưa các mối quan hệ đối ngoại song phương đi vào chiều sâu, đồng thời cần “tạo thế đan xen lợi ích” và “tăng độ tin cậy”. Đối ngoại đa phương cần “chủ động tham gia, tích cực đóng góp, nâng cao vai trò của Việt Nam trong xây dựng, định hình các thể chế đa phương và trật tự chính trị - kinh tế quốc tế, thực hiện đầy đủ các cam kết quốc tế và các hiệp định thương mại đã ký kết” [8, tr. 164]. Đây là bước phát triển quan trọng về lý luận và thực tiễn đối ngoại song phương và đa phương.

KẾT LUẬN

Tiến hành công cuộc đổi mới, nắm bắt thời điểm then chốt nơi có thể tận dụng sức mạnh ngoại giao và sức mạnh kinh tế để phát triển, Đảng Cộng sản Việt Nam không ngừng thúc đẩy và đấu tranh cho quan hệ hợp tác hòa bình, ổn định và hợp tác trong khu vực. Chính sách đối ngoại của Đảng không chỉ đóng góp cho sự ổn định trong khu vực mà còn góp phần củng cố vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Bằng việc tuân thủ các nguyên tắc không can thiệp vào công việc nội bộ, tôn trọng lẫn nhau và cùng phát triển hướng tới thịnh vượng chung, Việt Nam tiếp tục đóng vai trò to lớn trong việc định hình các cấu trúc hợp tác của cộng đồng ASEAN; đồng thời, chứng tỏ tính hiệu quả của

hoạt động đối ngoại trước sự điều hướng phức tạp của tình hình khu vực.

Chính sách đối ngoại của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với các nước ASEAN thời kỳ Đổi mới là minh chứng cho những cam kết đối với các nguyên tắc hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển, đóng góp đáng kể cho sự lớn mạnh của cộng đồng ASEAN. Thông qua việc duy trì cam kết đối ngoại rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa và hội nhập quốc tế, Việt Nam đã và đang không ngừng nỗ lực tham gia vào việc định hình, phát triển một tương lai thịnh vượng và hài hòa cho khu vực.

Nhìn chung lại, xuất phát từ diễn biến của tình hình thế giới, trên cơ sở đặc điểm cũng như yêu cầu nhiệm vụ đặt ra của đất nước, từ kinh nghiệm, truyền thống đối ngoại của ông, cha trong lịch sử, Đảng đã hoạch định chủ trương, chính sách đối ngoại độc lập, tự chủ, kiên định mục tiêu bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc, đồng thời cũng thể hiện tinh thần hòa bình, tôn trọng độc lập, chủ quyền quốc gia của các dân tộc trên thế giới. Những quan điểm chỉ đạo của Đảng về đối ngoại thể hiện mạnh mẽ tính kế thừa và tinh thần đổi mới tư duy, phù hợp xu thế phát triển của quốc tế và những thay đổi của đất nước.

LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành và công bố bài báo cáo tham luận, tác giả gửi lời cảm ơn đến Trường Đại học Bách khoa, ĐHQG-HCM và Tạp chí phát triển Khoa học và Công nghệ: Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Bản thảo này không có xung đột lợi ích.

ĐÓNG GÓP CỦA TÁC GIẢ

Trên cơ sở nghiên cứu, khai thác các nguồn tài liệu đã được xuất bản, thông tin báo chí, đặc biệt những văn kiện của Đảng, tác giả sử dụng phương pháp lịch sử là chính, ngoài ra còn sử dụng phương pháp khác như phân tích, so sánh, tổng hợp... để hoàn thành bài viết. Kết quả khoa học của bài viết: Bài viết đã khái quát quá trình hoạch định chủ trương, chính sách của Đảng về đối ngoại với các nước ASEAN trong thời kỳ Việt Nam đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế; đề xuất một số giải pháp góp phần thực hiện hiệu quả hơn nữa việc thực hiện đối ngoại với các nước ASEAN hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới và hội nhập (Đại hội VI, VII, VIII, IX, X). Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia; 2011;.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam. Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương (khóa VI). Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia; 1989;.
3. Bộ Chính trị. Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban chấp hành Trung ương (khóa VI) số 08A-NQ/HNTW ngày 27/03/1990 về tình hình các nước xã hội chủ nghĩa, sự phá hoại của chủ nghĩa đế quốc và nhiệm vụ cấp bách của Đảng ta. Tài liệu lưu tại Cục lưu trữ. Văn phòng Trung ương Đảng; 1990;.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia; 1991;.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam. Tinh thần cơ bản của Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ ba (khóa VII, 1992). Tài liệu tại Ban Đối ngoại Trung ương; 1992;.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia; 1996;.
7. Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia; 2000;.
8. Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia; 2021. Tập 1;.
9. Hồ Chí Minh. Hồ Chí Minh toàn tập. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia – Sự thật; 2011. Tập 5; 2011;.

Foreign policy for the goal of peace, stability, cooperation, and development of the Communist Party of Vietnam towards ASEAN countries in the innovation age

Dao Thi Bich Hong*

ABSTRACT

As a country in the Southeast Asian region, during the period of renovation, Vietnam has consistently attached great importance to its relations with neighboring nations. Overcoming a long journey filled with challenges and uncertainties, Vietnam's relations with Southeast Asian countries have continued to evolve and have achieved significant milestones. Chief among these achievements is the common aspiration to maintain peace and stability, which has allowed the nation to focus on nation-building and development. However, alongside these notable successes, due to various objective and subjective factors, cooperation between Vietnam and regional countries has not always met the desired expectations. Recognizing this reality, Vietnam has, for many years, exerted efforts to overcome difficulties and challenges, consistently working to promote amicable relations and cooperation with ASEAN countries and among ASEAN member states, both in breadth and depth.

As Vietnam continues to navigate its foreign relations in a context of global dynamics and changes, a deep understanding of the central role of the Communist Party of Vietnam in shaping foreign activities with ASEAN becomes paramount. This article seeks to contribute to a broader discourse on diplomacy in regional cooperation, guided by the Party's leadership, providing comprehensive insights into the mechanisms and strategies Vietnam employs to achieve its goals of peace, stability, cooperation, and development within the ASEAN community during the renovation era. Particularly, it focuses on the period when Vietnam accelerated industrialization, modernization, and international integration.

Furthermore, this article aims to assess the achievements and limitations of the entire aforementioned process, with the intention of proposing solutions to enhance the effectiveness of Vietnam's foreign relations with ASEAN countries in the future.

Key words: Communist Party of Vietnam, international relations, integration, Southeast Asia, foreign policy

*Ho Chi Minh City University of
Technology, VNU-HCM*

Correspondence

Dao Thi Bich Hong, Ho Chi Minh City
University of Technology, VNU-HCM

Email: daobichhong@hcmut.edu.vn

History

- Received: 21-8-2023
- Accepted: 16-10-2023
- Published Online: 15-11-2023

DOI :

<https://doi.org/10.32508/stdjssh.v7iS1.910>



Copyright

© VNUHCM Press. This is an open-access article distributed under the terms of the Creative Commons Attribution 4.0 International license.



Cite this article : Hong D T B. **Foreign policy for the goal of peace, stability, cooperation, and development of the Communist Party of Vietnam towards ASEAN countries in the innovation age.** *Sci. Tech. Dev. J. - Soc. Sci. Hum.* 2023; 7(S1):S184-S191.